UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1873/TB-SGDĐT	*Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 29 tháng 12 năm 2016*

THÔNG BÁO
Về việc tuyển dụng viên chức các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2016-2017

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành quy định thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Công văn số 1407/UBND-SNV ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Công văn số 1481/UBND-SNV ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc triển khai thực hiện các Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp học từ bậc mầm non đến trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-SNV ngày 27/12/2016 của Sở Nội vụ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2016-2017,

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo tuyển dụng viên chức các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2016-2017, cụ thể như sau:

1. Nhu cầu tuyển dụng: 170

- Giảng viên, giáo viên: 129 chỉ tiêu
- Nhân viên: 41 chỉ tiêu

(Kèm theo bản nhu cầu chi tiết)

2. Hình thức tuyển dụng: Thực hiện thông qua thi tuyển.

Riêng đối với trường THCS&THPT Võ Thị Sáu – Côn Đảo: thực hiện thông qua hình thức xét tuyển

3. Thời gian tuyển dụng

- Phát hành hồ sơ**:** Mẫu Hồ sơ được phát hành trên Website của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đính kèm cùng với Thông báo này.

- Nhận hồ sơ tại Phòng Tổ chức cán bộ - Sở Giáo dục và Đào tạo từ ngày: **03/01/2017** đến **13/02/2017** (theo giờ hành chính, không kể thứ 7, chủ nhật)

-. Điện thoại: 0643.854619

- Dự kiến thời gian niêm yết danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển: **21/02/2017** (Thông báo tại Website Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Dự kiến thông báo thời gian ôn tập và thi tuyển: **22/02/2017.** (Thông báo tại Website Sở Giáo dục và Đào tạo)

4. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức

Người đăng ký dự tuyển phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Điều 22 Luật viên chức, gồm:

- Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

+ Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam.

+ Từ đủ 18 tuổi trở lên. Đối với một số lĩnh vực hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, tuổi dự tuyển có thể thấp hơn theo quy định của pháp luật; đồng thời, phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật.

+ Có đơn đăng ký dự tuyển.

+ Có lý lịch rõ ràng.

+ Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm.

+ Đủ sức khoẻ để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.

+ Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

- *Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:*

+ Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

+ Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

5. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

5.1. Đối với chức danh giáo viên mầm non

Người dự tuyển phải đủ điều kiện xếp vào chức danh giáo viên mầm non hạng IV - Mã số: V.07.02.06 (Quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non).

5.1.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (hoặc tương đương) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. (Chứng chỉ A Tin học).

5.1.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

b) Thực hiện đúng chương trình giáo dục mầm non;

c) Biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;

d) Biết quản lý, sử dụng, bảo quản và giữ gìn có hiệu quả tài sản cơ sở vật chất, thiết bị của nhóm/lớp, trường.

5.2. Đối với chức danh giáo viên tiểu học

Người dự tuyển phải đủ điều kiện xếp vào chức danh giáo viên tiểu học hạng IV - Mã số: V.07.03.09 (Quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập).

5.2.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm tiểu học hoặc trung cấp sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (hoặc tương đương) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm

2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. (Chứng chỉ A Tin học).

5.2.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

b) Thực hiện được kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

c) Vận dụng được kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

d) Biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục cho học sinh tiểu học;

đ) Vận dụng được đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới tổ chức lớp học, tổ chức hoạt động dạy học ở trường tiểu học;

e) Biết viết sáng kiến kinh nghiệm hoặc nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; biết áp dụng các sáng kiến kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giảng dạy, giáo dục học sinh tiểu học.

5.3. Đối với chức danh giáo viên trung học cơ sở

Người dự tuyển phải đủ điều kiện xếp vào chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III – Mã số V.07.04.12 (Quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập).

5.3.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc cao đẳng các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (hoặc tương đương) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 (hoặc tương đương) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. (Chứng chỉ A Tin học).

5.3.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở;

b) Thực hiện được chương trình, kế hoạch giáo dục trung học cơ sở;

c) Biết vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học cơ sở;

d) Biết vận dụng những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp học sinh trung học cơ sở;

đ) Biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học cơ sở;

e) Có khả năng vận dụng hoặc viết sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;

g) Có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

5.4. Đối với chức danh Giáo viên trung học phổ thông

Người dự tuyển phải đủ điều kiện xếp vào chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng III - Mã số: V.07.05.15 (Quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập).

5.4.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THPT.

Yêu cầu đối với giáo viên dạy tiếng Anh: phải đạt bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. (Quy định tại Công văn số 792/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (hoặc tương đương) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 (hoặc tương đương) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. (Chứng chỉ A Tin học).

5.4.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục THPT;

b) Thực hiện được kế hoạch, chương trình, giáo dục THPT;

c) Biết vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh THPT;

d) Biết vận dụng những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh THPT;

đ) Biết cách phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh THPT;

e) Có khả năng vận dụng hoặc viết sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;

g) Có khả năng hướng dẫn học sinh THPT nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

5.5. Đối với chức danh giảng viên

Người dự tuyển phải đủ điều kiện xếp vào chức danh giảng viên hạng III - Mã số: V.07.01.03 (Quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập).

5.5.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (hoặc tương đương) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 (hoặc tương đương) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. (Chứng chỉ A Tin học).

5.5.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b) Nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công thuộc chuyên ngành đào tạo. Xác định được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;

c) Biên soạn giáo án, tập hợp các tài liệu tham khảo liên quan của bộ môn, chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm;

d) Có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học và tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học; ứng dụng, triển khai những kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào công tác giáo dục và đào tạo, sản xuất và đời sống;

đ) Có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; giảng dạy đạt yêu cầu trở lên.

5.6. Các chức danh nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm, Công tác Đoàn, giáo vụ trong trường học: yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ như đối với chức danh Giáo viên trung học phổ thông hạng III - Mã số: V.07.05.15.

5.7. Đối với chức danh Thư viện

Người dự tuyển phải đủ điều kiện xếp vào chức danh thư viện hạng IV – Mã số V.10.02.07 (Quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 05 năm 2015 của Liên Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện).

5.7.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (hoặc tương đương) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. (Chứng chỉ A Tin học).

5.7.2. Tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn nghiệp vụ:

a) Nắm được đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thư viện;

b) Nắm được các kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện;

c) Biết được các ứng dụng của công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện và các kỹ năng tin học khác trong hoạt động chuyên môn được phân công.

5.8. Đối với chức danh Văn thư trung cấp

Người dự tuyển phải đủ điều kiện xếp vào chức danh văn thư trung cấp - Mã số ngạch: mã số 02.008 (Quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày

31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư).

5.8.1. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và những quy định của Nhà nước về công tác văn thư; bảo vệ bí mật Nhà nước;

b) Nắm được các kiến thức cơ bản của công tác văn thư;

c) Thực hiện tốt các công việc của công tác văn thư;

d) Sử dụng được các thiết bị văn phòng và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

5.8.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư lưu trữ, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng quản lý nhà nước và nghiệp vụ ngạch văn thư trung cấp;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 1 (hoặc tương đương) trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. (Chứng chỉ A Tin học).

5.9. Đối với chức danh Y sĩ hoặc Bác sĩ

Người dự tuyển đủ điều kiện xếp vào chức danh Y sĩ hạng IV - mã số: V.08.03.07 hoặc chức danh Bác sĩ hạng III – mã số V08.03.01 Quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 31 27 tháng 5 năm 2015 của Liên Bộ: Bộ Y tế - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dư phòng, y sĩ).

5.9.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp trình độ trung cấp y tế trở lên các chuyên ngành: Y sĩ, Điều dưỡng, Y tế học đường,

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (hoặc tương đương) trở lên trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với vị trí việc làm có yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. (Chứng chỉ A Tin học).

5.9.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe, nâng cao sức khỏe nhân dân;

b) Xác định các triệu chứng bệnh lý thông thường và yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;

c) Phát hiện, can thiệp và dự phòng các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;

d) Có kỹ năng tổ chức thực hiện và theo dõi các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu và quản lý sức khỏe, quản lý bệnh nghề nghiệp;

đ) Có kỹ năng tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động dự án, chương trình mục tiêu quốc gia về y tế;

e) Có kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ.

6. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Mỗi người dự tuyển viên chức được đăng ký dự tuyển từ vào 01 đến 02 đơn vị có nhu cầu tuyển dụng, gọi tắt là nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2.

Nộp hồ sơ 01 lần tại Hội đồng tuyển dụng trong một kỳ tuyển dụng, gồm 01 bộ hồ sơ với thành phần như sau:

- Đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu);

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật (theo mẫu quy định) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt.

- Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo đúng quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/05/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe.

- Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.

- 02 (hai) ảnh cá nhân (4x6) và 06 (sáu) bì thư có dán tem, ghi rõ họ tên và địa chỉ của người nhận (người dự tuyển); địa chỉ Email, số điện thoại di động (nếu có) của người dự tuyển.

7. Nội dung, hình thức và thời gian các bài thi trong kỳ thi tuyển viên chức

Người dự thi tuyển viên chức phải thực hiện các bài thi sau: thi kiến chức chung và thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành. Việc thi tin học văn phòng và ngoại ngữ đối với người dự thi tuyển viên chức thực hiên theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm. Cụ thể:

7.1. Thi tin học và ngoại ngữ

Việc thi tin học và ngoại ngữ đối với người dự thi tuyển viên chức thực hiện theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm.

- Thi tin học văn phòng: thi trắc nghiệm trên giấy, thời gian 30 phút (theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp yêu cầu trình độ tin học).

- Thi ngoại ngữ: môn tiếng Anh, thi trắc nghiệm trên giấy, thời gian 60 phút (theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp yêu cầu trình độ ngoại ngữ).

- Điểm bài thi môn ngoại ngữ, tin học là điểm điều kiện và không tính vào tổng số điểm thi. Trừ trường hợp ngoại ngữ và tin học là phần thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành.

7.2. Thi kiến thức chung

- Hình thức thi: thi viết.

- Nội dung: hiểu biết về Luật viên chức; Luật Giáo dục, Nghị quyết 29 – NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành hoặc lĩnh vực tuyển dụng. *(Đề cương ôn tập được công bố khi ôn tập).*

- Thời gian thi: 120 phút.

7.3. Thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành, gồm 02 phần:

7.3.1. Phần thi viết, thời gian 180 phút; *(Nội dung theo đề cương ôn tập).*

7.3.2. Phần thi thực hành về nghiệp vụ chuyên ngành:

- Đối với các chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên: Hình thức thi: thực hành giảng dạy 01 tiết trên lớp.

- Đối với các chức danh nghề nghiệp nhân viên: Hình thức thi: phỏng vấn trực tiếp thí sinh.

- Thời gian: không quá 15 phút/thí sinh.

- Riêng đối với chức danh nghề nghiệp giáo viên: thực hành giảng dạy 01 tiết trên lớp, cụ thể:

- Trước ngày tổ chức thi thực hành 15 ngày, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ công bố 06 nội dung bài thi cho mỗi thí sinh để chuẩn bị giáo án cho buổi thi thực hành. Trước khi thi 30 phút, thí sinh sẽ bốc thăm bài dạy. Không thực hiện việc chấm điểm giáo án.

- Việc chấm điểm thực hành giảng dạy do Ban chấm thi thực hiện. Khi chấm thực hành phải có 03 thành viên chấm độc lập và kết quả cuối cùng là

điểm trung bình cộng điểm độc lập của các thành viên. Chênh lệch điểm giữa các thành viên không quá 10% so với điểm tối đa đối với cùng một bài thi, trường hợp chênh lệch cao hơn 10% so với điểm tối đa đối với cùng một bài thi thì các thành viên hội ý chấm lại, nếu không thống nhất được thì lập biên bản báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng xem xét, quyết định.

- Việc đánh giá xếp loại giờ dạy theo văn bản hướng dẫn đánh giá xếp loại giờ dạy hiện hành của Sở Giáo dục và Đào tạo, quy đổi theo thang điểm 100.

Người đăng ký dự tuyển vào ngạch giáo viên các môn Toán, Lý, Hóa, Văn, Sử, Địa, Sinh, Anh văn, Tin học của trường THPT chuyên Lê Quý Đôn thì phải thi thực hành giảng dạy 01 tiết tại lớp chuyên đúng môn cần tuyển của trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn.

Người đăng ký dự tuyển vào ngạch giảng viên của trường Cao đẳng sư phạm phải thi thực hành giảng dạy 01 tiết trên lớp tại trường Cao đẳng sư phạm.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

Trường hợp vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành là ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin, bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành là ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin thì người dự tuyển không phải thi ngoại ngữ hoặc thi tin học văn phòng được quy định tại mục 7.1 của Thông báo này. (*thi tin học và ngoại ngữ)*

8. Điều kiện miễn thi một số môn

Người đăng ký dự tuyển được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc tin học trong các trường hợp sau:

8.1. Miễn thi môn ngoại ngữ trong trường hợp môn nghiệp vụ chuyên ngành không phải là ngoại ngữ nếu có một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ.

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

8.2. Miễn thi môn tin học văn phòng trong trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

9. Cách tính điểm

- Bài thi được chấm theo thang điểm 100;

- Điểm các bài thi được tính như sau:

+ Thi kiến thức chung: tính hệ số 1;

+ Thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành, gồm: phần thi viết tính hệ số 1 và phần thực hành tính hệ số 2

- **Kết quả thi** là tổng số điểm của bài thi kiến thức chung và bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành.

10. Một số lưu ý

10.1. Đối với việc tuyển dụng viên chức tại trường THCS&THPT Võ Thị Sáu – Côn Đảo, thực hiện theo công văn số 1407/UBND-SNV ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Tuyển dụng viên chức theo hình thức xét tuyển.

Yêu cầu đối với người dự tuyển vào trường THCS&THPT Võ Thị Sáu – Côn Đảo, ngoài các quy định trên, đối tượng tham gia dự tuyển là những người thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nguyên là học sinh của Côn Đảo.

- Có hộ khẩu tại Côn Đảo từ 02 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Đang hợp đồng thỉnh giảng, giảng dạy tại Côn Đảo từ 01 năm trở lên.

Trong trường hợp không có những người thuộc đối tượng trên thì đối tượng dự tuyển như quy định tại phần 4, 5 của Kế hoạch này.

10.1.1. Nội dung xét tuyển viên chức

a. Xét kết quả học tập bao gồm điểm học tập và điểm tốt nghiệp của người dự tuyển.

b. Kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

10.1.2. Cách tính điểm

a. Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

b. Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

c. Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 2.

d. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

e. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn tính theo quy định tại mục 10.1.2 khoản a, b, c, d. Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm được tính tại 10.1.2 khoản c, d.

10.2. Tuyển dụng viên chức tại trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn

Yêu cầu đối với người dự tuyển vào chức danh giáo viên giảng dạy môn các môn Toán, Lý, Hóa, Văn, Sử, Địa, Sinh, Anh văn, Tin học trường THPT chuyên Lê Quý Đôn: ngoài các quy định tại Thông tư liên tịch số

23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ còn phải đạt một trong các điều kiện sau:

- Nguyên là học sinh chuyên của trường chuyên trong và ngoài tỉnh, đạt giải cấp tỉnh trở lên đúng bộ môn cần tuyển.

- Đã đạt giải cấp quốc gia trở lên đúng môn cần tuyển trong thời gian học trung học phổ thông ở các trường THPT;

- Tốt nghiệp đại học loại Giỏi đúng môn cần tuyển;

- Tốt nghiệp thạc sĩ đúng chuyên ngành cần tuyển và trước đó phải tốt nghiệp Đại học đúng chuyên ngành cần tuyển loại Khá trở lên.

10.3. Tuyển dụng viên chức tại trường Cao đẳng sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu

Yêu cầu đối với người dự tuyển vào trường Cao đẳng sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu:

10.3.1. Đối với giảng viên tiếng Nhật, Mỹ thuật, Thể dục: Tốt nghiệp đại học trở lên đúng chuyên ngành cần tuyển; có kinh nghiệm giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng hoặc trường phổ thông.

10.3.2. Đối với giảng viên các môn Địa lý, Lịch sử, Sinh vật: Có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành cần tuyển, có kinh nghiệm giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng hoặc trường phổ thông.

10.3.3. Đối với giảng viên mầm non: Có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành cần tuyển, có kinh nghiệm giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng hoặc trường mầm non.

11. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức

11.1 Công nhận người trúng tuyển:

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển phải tham dự đầy đủ các bài thi các quy định tại mục 7. của Thông báo này, mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên.

Nguyên tắc xét tuyển: Dựa vào chỉ tiêu của từng đơn vị, lấy theo điểm thi của thí sinh từ cao xuống thấp. Trong đó, điểm trúng tuyển theo Nguyện vọng 2 phải cao hơn điểm trúng tuyển theo Nguyện vọng 1 tối thiểu là 30 điểm.

Người trúng tuyển ở cả 02 nguyện vọng thì chỉ lấy kết quả trúng tuyển ở nguyện vọng 1.

11.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có tổng số điểm các bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu tổng số điểm các bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;
- Thương binh;

- Người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Con thương binh;
- Con của người hưởng chính sách như thương binh;
- Người dân tộc ít người;
- Đội viên thanh niên xung phong;
- Đội viên tri thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ;
- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự;
- Người dự tuyển là nữ;

11.3. Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức trực tiếp phỏng vấn và quyết định người trúng tuyển.

11.4. Không thực hiện việc bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

12. Lệ phí dự tuyển

- Lệ phí dự tuyển được thực hiện theo Thông tư liên tịch số: 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Thời gian thu lệ phí dự tuyển: Nộp lệ phí khi tập trung ôn tập thi tuyển.

Để tạo điều kiện cho thí sinh tham gia dự tuyển có nhiều cơ hội trúng tuyển và đảm bảo tuyển đủ viên chức, mỗi thí sinh được đăng ký dự tuyển vào từ 01 đến 02 đơn vị có nhu cầu tuyển dụng và được thay đổi nguyện vọng cho đến khi kết thúc thời gian nhận hồ sơ dự tuyển.

Trong thời gian nhận hồ sơ, thông tin người dự tuyển được cập nhật và công khai tại địa điểm tiếp nhận và bán hồ sơ để thí sinh được biết, tham khảo và lựa chọn vị trí dự tuyển một cách khách quan nhằm tránh trường hợp thí sinh đăng ký tập trung quá nhiều vào một đơn vị.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kế hoạch thi tuyển viên chức năm học 2016-2017 cho các thí sinh được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Sở Nội vụ tỉnh (báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT;
- Thanh tra Sở Nội vụ;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB. *Nhânmt.*

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Nguyễn Thanh Giang